

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HCST

Ngày: 14-02-2022

V/v: “*khiếu kiện quyết định xử
phạt vi phạm hành chính*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Ngọc Minh.

2. Ông Đoàn Văn Tâm

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:*
Bà Trần Ngọc Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2020/TLST-HC ngày 19 tháng 10 năm 2020 về “*khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HC ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: tổ 3, khu phố Bãi Chường, phường C, thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phú H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp Bình Hưng 2, xã Bình Mỹ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: số 254, Tầng 1, đường Nguyễn Trung Trực, khu phố 5, phường C, thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trần Chiến T, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố D.

Cùng địa chỉ: số 02, đường 30/4, phường C, thành phố D, tỉnh Kiên Giang.

(Ông Nguyễn Phú H có mặt, ông Trần Chiến T vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện ông Phạm Văn T và người đại diện ông Nguyễn Phú H trình bày:

Ngày 09/4/2005 ông T có chuyển nhượng của bà Trần Thị L diện tích đất nông nghiệp tại Hòn Đụng, ấp Bãi Nam, xã C, huyện D, tỉnh Kiên Giang (nay là phường C, thành phố D, tỉnh Kiên Giang). Khi chuyển nhượng không có đo đạc nhưng ước lượng khoảng 10.000m².

Sau khi chuyển nhượng ông T sử dụng trồng cây ăn trái và cây ngắn ngày ổn định, không có ai tranh chấp .

Ngày 12/12/2019 Chủ tịch UBND xã C ra quyết định số 783/QĐ-XPVPHC xử phạt ông T có hành vi chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất do Nhà nước quản lý với diện tích 864 m².

Ngày 29/4/2020 Chủ tịch UBND huyện D ra quyết định số 2499/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông T do có hành vi chiếm đất nông nghiệp tại khu vực nông thôn với diện tích 9.694,3m² theo qui định tại điểm d, khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ qui định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Xác định ông T có tình tiết tăng nặng do đã bị xử phạt hành chính tại Quyết định số 783/QĐ-XPVPHC nên xử phạt ông T số tiền 50.000.000 đồng. Buộc ông T khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại diện tích đất 9.694,3m².

Ông T cho rằng việc lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông T có nhiều sai sót về nội dung và chưa đúng trình tự qui định của pháp luật nên đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện D. Chủ tịch UBND huyện D đã ra thông báo thụ lý đơn nhưng hết thời hạn giải quyết khiếu nại vẫn không giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện, UBND thành phố D có ý kiến trình bày tại văn bản số 1038/UBND-NCPC ngày 29/10/2021 như sau:

Về nguồn gốc đất: Diện tích đất 9.694,3m² gồm 3 thửa có diện tích 2.441m², diện tích 2.929,9m² và diện tích 4.323,4m².

Thửa đất có diện tích 2.441m², trước năm 2013 là đất nhà nước quản lý, hiện trạng có cây chổi tự nhiên, dây leo, cây bụi. Năm 2013, ông Phạm Văn T vào phát dây leo, cây bụi, trồng cây ăn trái như xoài. Năm 2015, ông Phạm Văn T tiếp tục phát trồng, chừa lại một số cây rừng lớn.

Thửa đất có diện tích 2.929,9m², trước năm 2013 là đất nhà nước quản lý, hiện trạng có cây chổi tự nhiên, dây leo, cây bụi. Năm 2013, ông Phạm Văn T vào phát dây leo, cây bụi, trồng cây ăn trái như dừa. Năm 2018, ông Phạm Văn T phát trồng và cất 02 căn nhà tạm. Năm 2019, ông Phạm Văn T thuê xe cơ giới san ủi một phần diện tích giáp biển làm khu neo đậu xuồng ghe.

Thửa đất có diện tích 4.323,4m², trước năm 2015 là đất nhà nước quản lý, hiện trạng có cây chổi tự nhiên, dây leo, cây bụi. Năm 2015, ông Phạm Văn T vào phát dây leo, cây bụi, trồng cây ăn trái và hoa màu. Năm 2017, ông Phạm Văn T phát trồng chừa lại cây rừng lớn, trồng T một số cây trồng như xoài, dừa, mít.

Như vậy ông Phạm Văn T sử dụng diện tích đất 9.694,3m² sau ngày 01/7/2004, không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai 2013.

Việc ông Phạm Văn T tự ý sử dụng diện tích đất 9.694,3m² mà không được cơ quan quản lý nhà nước về đất đai cho phép là hành vi chiếm đất theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Về hồ sơ xử lý vi phạm đối với ông Phạm Văn T:

Ngày 21/4/2020, UBND xã C (nay là UBND phường C) đo đạc kiểm tra hiện trạng sử dụng đất theo sự chỉ ranh đo đạc của ông Phạm Văn T qua đo đạc thửa đất có diện tích đất 9.694,3m² gồm 3 thửa có diện tích 2.441m², diện tích 2.929,9m² và diện tích 4.323,4m².

Ngày 21/4/2020, UBND xã C (nay là UBND phường C) làm việc ông Phạm Văn T thừa nhận là người đang sử dụng diện tích đất 9.694,3m² đồng thời trình bày nguồn gốc quá trình canh tác, sử dụng đất. Qua làm việc ông T thừa nhận các diện tích đất trên ông đều bắt đầu sử dụng từ năm 2013 và 2015.

Ngày 21/4/2020, ông Đoàn Thanh T, công chức địa chính xã C (nay là phường C) lập Biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai số 246/BB-

VPHC đối với ông Phạm Văn T do có hành vi vi phạm hành chính: Vào ngày 21/4/2020, phát hiện ông Phạm Văn T đang thực hiện hành vi chiếm đất nông nghiệp, không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất do nhà nước quản lý tại khu vực nông thôn với diện tích $9.694,3m^2 = 0,96943ha$, vị trí đất tại ấp Bãi Nam, xã C, huyện D (nay là khu phố Bãi Nam, phường C, thành phố D), tỉnh Kiên Giang. Quy định tại điểm d khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Ngày 22/4/2020, UBND phường An Thới có Tờ trình số 253/TTr-UBND trình đến Chủ tịch UBND thành phố D ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Phạm Văn T.

Ngày 29/4/2020, Chủ tịch UBND huyện D ra Quyết định số 2499/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Phạm Văn T do có hành vi chiếm đất nông nghiệp, không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất do nhà nước quản lý tại khu vực nông thôn với diện tích 0,96943ha.

Về mục đích sử dụng đất: Mặc dù hiện trạng trước khi chiếm là đất có cây chòi tự nhiên, dây leo, cây bụi nhưng theo Khoản 2 Điều 3 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014; Khoản 1 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 quy định trường hợp đang sử dụng đất do lấn, chiếm thì căn cứ vào nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất để xác định loại đất. Do ông Phạm Văn T chiếm đất diện tích 0,96943ha trồng cây lâu năm như dừa, xoài, mít vì vậy xác định mục đích sử dụng: Đất nông nghiệp, không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là phù hợp quá trình quản lý, sử dụng (đất trồng cây lâu năm).

Về thời hiệu xử phạt: Theo khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính, xác định thời điểm chiếm đất của ông Phạm Văn T là ngày 21/4/2020 (ngày lập biên bản đo đạc, biên bản làm việc, phát hiện hành vi vi phạm). Trong ngày 21/4/2020, công chức địa chính lập Biên bản vi phạm hành chính là đảm bảo tính kịp thời và còn thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính bằng tiền.

Về mức phạt, thẩm quyền xử phạt: Hành vi vi phạm của ông Phạm Văn T quy định tại điểm d khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 có khung tiền phạt từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Do có tình tiết tăng nặng quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 10 Luật xử lý vi

phạm hành chính nên mức phạt tiền tối đa của khung tiền phạt áp dụng đối với ông Phạm Văn T là 50.000.000 đồng thuộc thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND cấp huyện quy định tại Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính, Điều 38 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ.

Thời hạn ra quyết định xử phạt: Theo Điều 61 và Khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính thì việc xử lý vi phạm đối với ông Phạm Văn T thuộc trường hợp giải trình và thời hạn ra Quyết định xử phạt tối đa là 30 ngày kể từ ngày lập biên bản. Như vậy việc lập biên bản vi phạm hành chính vào ngày 21/4/2021 đến ngày 29/4/2020 ra Quyết định xử phạt là đảm bảo thời hạn theo quy định.

Từ những căn cứ trên cho thấy việc ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Phạm Văn T là kịp thời đúng đối tượng, đúng hành vi, đúng thẩm quyền theo quy định, Chủ tịch UBND thành phố D đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bác đơn khởi kiện của ông Phạm Văn T và giữ nguyên Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 2499/QĐ-XPVPHC ngày 29/4/2020 của Chủ tịch UBND thành phố D.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ông Nguyễn Phú H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2499/QĐ-XPVPHC ngày 29/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện D về việc xử phạt vi phạm hành chính.

Đại diện người bị kiện vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật Tổ tụng hành chính của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định pháp luật. Tòa án thụ lý vụ kiện đúng thẩm quyền. Thẩm phán tiến hành thu thập chứng cứ đủ điều kiện để đưa vụ án ra xét xử.

Người khởi kiện, người bị kiện đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo qui định của pháp luật.

Về nội dung: Qua xem xét tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T là có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính hủy Quyết định số 2499/QĐ-XPVPHC ngày 29/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện D về việc xử phạt vi phạm hành chính.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa theo qui định tại Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

Ông Phạm Văn T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2499/QĐ-XPVPHC ngày 29/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện D về việc xử phạt vi phạm hành chính là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 30, 32 của Luật Tố tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 30/9/2020 ông Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2499/QĐ-XPVPHC ngày 29/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện D về việc xử phạt vi phạm hành chính. Kể từ ngày ông nhận được quyết định xử phạt cho đến ngày nộp đơn khởi kiện tại Tòa án chưa hết một năm là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 2499/QĐ-XPVPHC ngày 29/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện D về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Phạm Văn T.

[2.1] Về trình tự, thủ tục ban hành:

Ngày 21/4/2020 công chức địa chính xã C ông Nguyễn Văn Anh kết hợp với Kiểm lâm viên và cán bộ Vườn quốc gia đo đạc kiểm tra diện tích đất của ông Phạm Văn T đang quản lý, sử dụng tại Hòn Đụng (Hòn vang), ấp Bãi Nam, xã C, huyện D, tỉnh Kiên Giang.

Tại biên bản này đã xác định ông T sử dụng 04 thửa đất, trong đó có 03 thửa bị xử phạt vi phạm hành chính gồm thửa 1 có diện tích 2.441m², thửa 2 có diện tích 4.323,4m² và thửa 3 có diện tích 2.929,9m².

Sau khi đo đạc vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 21/4/2020 công chức địa chính - xây dựng xã Hòn Thơm ông Đoàn Thanh T tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông T. Trong Biên bản không ghi căn cứ văn bản giao nhiệm vụ lập Biên bản vi phạm hành chính của người có thẩm quyền giao cho ông T và trong quá trình giải quyết vụ kiện Chủ tịch UBND huyện D (nay thành phố D) cũng không xuất trình được văn bản này. Việc lập Biên bản vi phạm hành chính của ông Tuấn vi phạm điểm b, khoản 2, Điều 40 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ.

Căn cứ Biên bản này ngày 29/4/2020 Chủ tịch UBND thành phố D ra Quyết định số 2499/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Phạm Văn T.

Tại Quyết định số 2499/QĐ-XPVPHC có nêu: “Căn cứ Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 về việc ủy quyền điều hành công việc của UBND huyện và giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện”, ông Huỳnh Quang Hưng Phó Chủ tịch UBND huyện D đã ký quyết định xử phạt.

Tại Điều 1 Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 24/4/2020 đã nêu: “Ủy quyền cho ông Huỳnh Quang H Phó Chủ tịch UBND huyện điều hành, giải quyết các công việc và ký các văn bản thuộc thẩm quyền Chủ tịch UBND huyện trong thời gian Chủ tịch UBND huyện đi công tác, từ ngày 27/4/2020 đến hết ngày 29/4/2020”.

Tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 17/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính, sửa đổi bổ sung khoản 4, Điều 5 như sau: “4. Quyết định giao quyền tại Điều 54, khoản 2 Điều 87 và khoản 2 Điều 123 Luật xử lý vi phạm hành chính phải xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền”.

Phó chủ tịch UBND huyện D ký xử phạt mà không có Quyết định giao quyền theo qui định tại Điều 54 Luật xử lý vi phạm hành chính là không đúng thẩm quyền.

[2.2] Về nội dung:

Căn cứ sơ đồ đặc ngày 21/4/2020 thì toàn bộ các thửa đất của ông T đang sử dụng có vị trí giáp biển và giáp đất rừng tự nhiên.

Khu đất chỉ có thửa đất diện tích 2.929,9m² là có mặt giáp biển tương đối bằng phẳng, gềnh đá thấp được ông T sử dụng làm lối đi vào khu đất theo hướng từ biển vào, ngoài ra không còn lối đi khác. Các đoạn phía biển còn lại đều là gềnh đá cao cách một khoảng xa mới đến phần đất canh tác được.

Đất này ông T nhận chuyển nhượng của bà Trần Thị L năm 2005, từ khi chuyển nhượng ông T chỉ sử dụng duy nhất vị trí này để ra vào khu đất.

Tại Biên bản kiểm tra thực địa ngày 08/6/2021 bà Trần Thị L xác định diện tích đất bà chuyển nhượng cho ông T có đoạn giáp biển là tại vị trí ông T

cát nhà hiện nay. Theo sơ đồ đo đạc là tại thửa có diện tích 2.929,9m². Trong thửa đất này có một phần ông T san ủi gềnh đá để làm nơi neo đậu ghe (không xác định được diện tích đất cụ thể) mà không xin phép chính quyền địa phương. Phần đất còn lại ông T đã trồng cây lâu năm và cát nhà tạm để làm nơi ở canh tác đất.

Chủ tịch UBND thành phố D căn cứ lời khai nhận của ông T tại Biên bản làm việc ngày 21/4/2020 để xác định thời điểm ông T sử dụng đất. Tuy nhiên tại Biên bản này ông T khai ít nhất là năm 2013 ông T đã vào phát dọn thửa đất 2.929,9m² để trồng dừa, năm 2018, 2019 mới mở rộng T.

Tương tự thửa đất diện tích 2.441m² cũng có thời điểm sử dụng năm 2013.

Theo qui định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 “hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất Nhà nước do tự khai hoang mà đất đó phù hợp với qui hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, không có tranh chấp thì được công nhận quyền sử dụng đất theo hạn mức do UBND cấp tỉnh qui định”.

Thấy rằng Quyết định số 2499/QĐ-XPVPHC ngày 29/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện D vi phạm về thẩm quyền lập Biên bản vi phạm hành chính và thẩm quyền ký quyết định xử phạt vi phạm hành chính, không phù hợp mặt nội dung nên cần phải hủy bỏ.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang; hủy Quyết định số 2499/QĐ-XPVPHC ngày 29/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện D (nay là thành phố D) về việc xử phạt vi phạm hành chính.

[3] Án phí hành chính sơ thẩm: Chủ tịch UBND thành phố D phải nộp án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Ông Phạm Văn T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông T tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính:

Căn cứ Điều 54 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Căn cứ Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 17/4/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận câu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

Hủy Quyết định số 2499/QĐ-XPVPHC ngày 29/4/2020 của Chủ tịch UBND huyện D (nay thành phố D) về việc xử phạt vi phạm hành chính.

2. Về án phí: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D phải nộp án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Phạm Văn T tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005384 ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Cục THA dân sự tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Thu